

**Tổ: Sinh- CN**  
**Sinh 10**

**PHẦN MỘT**  
**GIỚI THIỆU CHUNG VỀ THẾ GIỚI SỐNG**  
**Bài 1: CÁC CẤP TỔ CHỨC CỦA THẾ GIỚI SỐNG**  
**B: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**I. Các cấp tổ chức của thế giới sống:**

Thế giới sống được tổ chức theo nguyên tắc thứ bậc rất chắc chắn gồm các cấp tổ chức cơ bản: tế bào, cơ thể, quần thể, quần xã và hệ sinh thái.

Trong đó, tế bào là đơn vị cơ bản cấu tạo nên mọi cơ thể sinh vật.

## II. Đặc điểm chung của các cấp tổ chức sống:

### 1. Tổ chức theo nguyên tắc thứ bậc:

*Nguyên tắc thứ bậc:* Tổ chức sống cấp dưới làm nền tảng xây dựng nên tổ chức sống cấp trên. Ngoài đặc điểm của tổ sống cấp thấp, tổ chức cấp cao còn có những đặc tính riêng gọi là đặc tính nổi trội.

### 2. Hệ thống mở và tự điều chỉnh:

- Khái niệm hệ thống mở.
- Khái niệm hệ tự điều chỉnh.

### 3. Thế giới sống liên tục tiến hóa:

- Nhờ sự thừa kế thông tin di truyền nên các sinh vật đều có đặc điểm chung.
- Điều kiện ngoại cảnh luôn thay đổi, biến dị không ngừng phát sinh, quá trình chọn lọc luôn tác động lên sinh vật, nên thế giới sống phát triển vô cùng đa dạng và phong phú.

## C: LUYỆN TẬP

### Câu 1: Cho các ý sau:

- (1) Tổ chức theo nguyên tắc thứ bậc.
  - (2) Là hệ kín, có tính bền vững và ổn định.
  - (3) Liên tục tiến hóa.
  - (4) Là hệ mở, có khả năng tự điều chỉnh.
  - (5) Có khả năng cảm ứng và vận động.
  - (6) Thường xuyên trao đổi chất với môi trường.
- Trong các ý trên, có mấy ý là đặc điểm của các cấp độ tổ chức sống cơ bản?  
A. 5 B. 3 C. 4 D. 2

**Câu 2:** Đặc tính quan trọng nhất đảm bảo tính bền vững và ổn định tương đối của tổ chức sống là:

- A. Trao đổi chất và năng lượng
- B. Sinh sản
- C. Sinh trưởng và phát triển
- D. Khả năng tự điều chỉnh và cân bằng nội môi

**Câu 3:** Có các cấp độ tổ chức cơ bản của thế giới sống là

- (1) Cơ thể. (2) tế bào (3) quần thể
- (4) quần xã (5) hệ sinh thái

Các cấp độ tổ chức sống trên được sắp xếp theo đúng nguyên tắc thứ bậc là

- A. 2 → 1 → 3 → 4 → 5
- B. 1 → 2 → 3 → 4 → 5
- C. 5 → 4 → 3 → 2 → 1
- D. 2 → 3 → 4 → 5 → 1

**Câu 4:** “Tổ chức sống cấp thấp hơn làm nền tảng để xây dựng nên tổ chức sống cấp cao hơn” giải thích cho nguyên tắc nào của thế giới sống?

- A. Nguyên tắc thứ bậc.
- B. Nguyên tắc mở.
- C. Nguyên tắc tự điều chỉnh.
- D. Nguyên tắc bổ sung

#### **D: VẬN DỤNG**

Nêu một số ví dụ về khả năng tự điều chỉnh của cơ thể người.

#### **4. Hướng dẫn học sinh học bài, làm việc ở nhà (2 phút)**

- Học bài và trả lời câu hỏi SGK
- Ôn tập về các ngành động vật, thực vật đã học.

#### **Bài 2. CÁC GIỚI SINH VẬT**

##### **B: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

#### **I. Giới và hệ thống phân loại 5 giới:**

##### **1. Khái niệm giới:**

Giới là đơn vị phân loại lớn nhất, gồm các ngành sinh vật có đặc điểm chung.

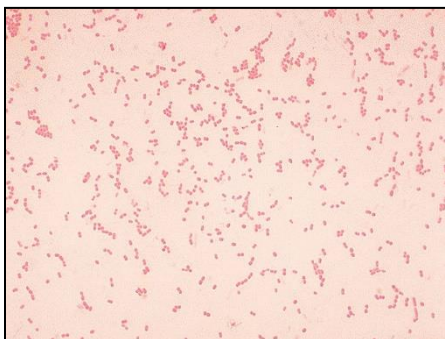
##### **2. Hệ thống phân loại 5 giới:**

Oaitâyko và Magulis chia thế giới sinh vật thành 5 giới: Khởi sinh, Nguyên sinh, Nấm, Thực vật và Động vật.

#### **II. Đặc điểm chính của mỗi giới:**

##### **1. Giới Khởi sinh: (Monera)**

- Tế bào nhân sơ, kích thước rất nhỏ (1-5  $\mu\text{m}$ )
- Hình thức sống: tự dưỡng, dị dưỡng hoại sinh, kí sinh.



##### **2. Giới Nguyên sinh: (Protista)**

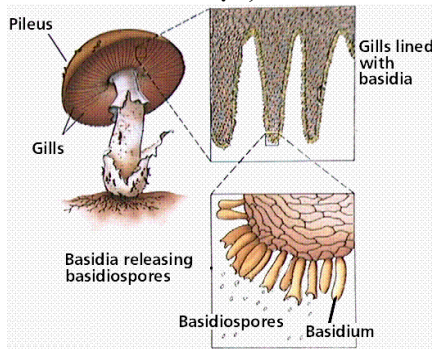
- Gồm: nhóm Tảo, nhóm Nấm nhầy, nhóm Động vật nguyên sinh.



- Hình thức sống: tự dưỡng, dị dưỡng hoại sinh.

### 3. Giới Nấm: (Fungi)

- Tế bào nhân thực, đơn bào và đa bào sợi, thành tế bào có chứa kitin,...



- Hình thức sống: hoại sinh, kí sinh, cộng sinh.

### 4. Giới Thực vật: (Plantae)

- Cơ thể đa bào, nhân thực, tế bào có thành Xenlulôzơ.

- Là sinh vật tự dưỡng sống cố định, phản ứng chậm.

- Vai trò: cung cấp nguồn thực phẩm, dược liệu, nguyên liệu, điều hòa khí hậu, giữ nguồn nước ngầm, ... cho con người.

### 5. Giới Động vật: (Amialia)

- Cơ thể đa bào, nhân thực.

- Sống dị dưỡng, có khả năng di chuyển, phản ứng nhanh.

- Vai trò góp phần làm cân bằng hệ sinh thái, cung cấp nguyên liệu và thức ăn cho con người

### C: LUYỆN TẬP

**Câu 1:** Trong hệ thống phân loại 5 giới, vi khuẩn thuộc

- A. giới Khởi sinh. B. giới Nấm.  
C. giới Nguyên sinh. D. giới Động vật.

**Câu 2:** Các ngành chính trong giới thực vật là

- A. Rêu, Quyết, Hạt trần, Hạt kín.  
B. Rêu, Hạt trần, Hạt kín.  
C. Tảo lục đa bào, Quyết, Hạt trần, Hạt kín.  
D. Quyết, Hạt trần, Hạt kín.

**Câu 3:** Cho các ý sau:

- (1) Hầu hết đơn bào.  
(2) Sinh trưởng, sinh sản nhanh.  
(3) Phân bố rộng.  
(4) Thích ứng cao với điều kiện sống.

(5) Có khả năng chịu nhiệt và chịu lạnh tốt.

(6) Quan sát được bằng mắt thường.

Trong các ý trên, có mấy ý là đặc điểm của vi sinh vật nói chung?

A. 2 B. 4 C. 3 D. 5.

**Câu 4:** Trong một cánh rừng gồm các cấp tổ chức sống cơ bản là

A. Cá thể, quần thể, quần xã, hệ sinh thái.

B. Tế bào, cơ thể, quần thể, quần xã.

C. Tế bào, cơ thể, quần thể, quần xã, hệ sinh thái, sinh quyển.

D. Tế bào, cơ thể, quần thể, quần xã, hệ sinh thái.

**Câu 5:** Thế giới sinh vật được phân thành các nhóm theo trình tự là

A. Loài → chi → họ → bộ → lớp → ngành → giới.

B. chi → họ → bộ → lớp → ngành → giới → loài

C. Loài → chi → bộ → họ → lớp → ngành → giới.

D. Loài → chi → lớp → họ → bộ → ngành → giới.

## D: VẬN DỤNG (8')

Hệ thống mở và tự điều chỉnh là gì?

Tại sao các sinh vật trên trái đất đều có chung nguồn gốc tổ tiên nhưng ngày nay lại đa dạng phong phú như vậy?

### 4. Hướng dẫn học sinh học bài, làm việc ở nhà (2 phút)

- Xem lại cấu tạo các nguyên tố trong bảng TH các nguyên tố hoá học của Mendêlêep.
- Khái niệm về liên kết cộng hoá trị, các điện tử vòng ngoài của các nguyên tố C, H, O, N.